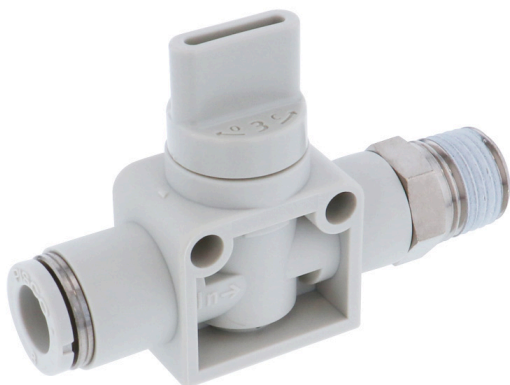


Van tay

HV10-02W

phản ứng RoHS2

Van đóng mở đầu vào khí nén cho thiết bị. Van 3 chiều và van 2 chiều cho khí thải áp suất.



Hình ảnh sẽ là HV8-02W.

Sơ đồ hình
dạng/giá cả

Hình dạng thẳng A

Khối lượng

49.0g

Đơn vị xuất
kho

1Chiếc (cái)

Chất lỏng

PBT

Kim loại

Đồng thau + mạ kẽm tĩnh điện

Cao su Seal

NBR

Kích thước áp dụng

Kích thước ống

φ10mm

Kích thước ren

R1/4

Technical drawing of the 1/4" 100 Series 2-Port Solenoid Valve, showing three views: front, side, and end view.

Front View:

- Overall length: 68.7*
- Port diameter: $\varnothing 19.5$
- Port center-to-center distance: 24
- Port depth: 10.5
- Port diameter: $\varnothing 10$
- Port diameter: $\varnothing 17.5$
- Port diameter: $\varnothing 20.2$
- Port diameter: $\varnothing 32.2$
- Port diameter: $\varnothing 42.5$
- Port diameter: $\varnothing 11$
- Port diameter: $\varnothing 21.7$
- Port diameter: $\varnothing 41$
- Port diameter: $\varnothing 10$
- Port diameter: $\varnothing 17.5$
- Port diameter: $\varnothing 20.2$
- Port diameter: $\varnothing 32.2$
- Port diameter: $\varnothing 42.5$
- Port diameter: $\varnothing 11$
- Port diameter: $\varnothing 21.7$
- Port diameter: $\varnothing 41$
- Port diameter: $\varnothing 10$
- Port diameter: $\varnothing 17.5$
- Port diameter: $\varnothing 20.2$
- Port diameter: $\varnothing 32.2$
- Port diameter: $\varnothing 42.5$
- Port diameter: $\varnothing 11$
- Port diameter: $\varnothing 21.7$
- Port diameter: $\varnothing 41$

Side View:

- Overall length: 68.7*
- Port diameter: $\varnothing 19.5$
- Port center-to-center distance: 24
- Port depth: 10.5
- Port diameter: $\varnothing 10$
- Port diameter: $\varnothing 17.5$
- Port diameter: $\varnothing 20.2$
- Port diameter: $\varnothing 32.2$
- Port diameter: $\varnothing 42.5$
- Port diameter: $\varnothing 11$
- Port diameter: $\varnothing 21.7$
- Port diameter: $\varnothing 41$
- Port diameter: $\varnothing 10$
- Port diameter: $\varnothing 17.5$
- Port diameter: $\varnothing 20.2$
- Port diameter: $\varnothing 32.2$
- Port diameter: $\varnothing 42.5$
- Port diameter: $\varnothing 11$
- Port diameter: $\varnothing 21.7$
- Port diameter: $\varnothing 41$

End View:

- Overall length: 68.7*
- Port diameter: $\varnothing 19.5$
- Port center-to-center distance: 24
- Port depth: 10.5
- Port diameter: $\varnothing 10$
- Port diameter: $\varnothing 17.5$
- Port diameter: $\varnothing 20.2$
- Port diameter: $\varnothing 32.2$
- Port diameter: $\varnothing 42.5$
- Port diameter: $\varnothing 11$
- Port diameter: $\varnothing 21.7$
- Port diameter: $\varnothing 41$
- Port diameter: $\varnothing 10$
- Port diameter: $\varnothing 17.5$
- Port diameter: $\varnothing 20.2$
- Port diameter: $\varnothing 32.2$
- Port diameter: $\varnothing 42.5$
- Port diameter: $\varnothing 11$
- Port diameter: $\varnothing 21.7$
- Port diameter: $\varnothing 41$

Notes:

- IN →
- OUT →
- ホ° ト数刻印
- 2- $\varnothing 4.2$
- HEX 14
- R1/4

Thông số kỹ thuật

Dạng chất được sử dụng	không khí
Áp suất làm việc tối đa	0.9MPa

Áp suất chân không được sử dụng	-100kPa
Phạm vi nhiệt độ hoạt động	0~60°C (không đóng băng)

Số cổng

3

Nội dung chú ý cá nhân

Chú ý

1. Không sử dụng chất bôi trơn.
2. Đảm bảo xoay tay cầm 90 °. Quay không đủ có thể gây ra tính liên tục kém và tốc độ dòng chảy không đủ do chuyển mạch không đủ. Nếu xoay quá nhiều, phần thân chính có thể bị hỏng.
3. Để xác định van 2 chiều và van 3 chiều, hãy kiểm tra đánh dấu trên đầu của nắp cần gạt.
4. Khi sử dụng với áp suất âm, hãy gắn bộ lọc chân không ở phía đầu hút cặn, bụi vì cặn, bụi có thể gây ra sự cố.

Nội dung chú ý >